

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị N - Sinh năm 1994 (Có mặt)

Trú quán: Thôn Đ – Xã KS – Huyện LN – Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Vi Văn L - Sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú quán: Thôn Đ – Xã KS – Huyện LN – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Tô Thị N lời khai của bị đơn anh Vi Văn L và trong quá trình xét xử, nội dung vụ án như sau:

Chị Tô Thị N và anh Vi Văn L kết hôn với nhau vào tháng 4 năm 2012. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị N anh L có đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị N, anh L về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Trú quán: Thôn Đ – Xã KS – Huyện LN – Bắc Giang. Chị N cho rằng cuộc sống giữa chị và anh L cách đây 02 phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh L không quan tâm tới gia đình thường xuyên chơi bời không tu chí làm ăn. Chị và anh L cũng đã ly thân một thời gian dài, thỉnh thoảng chị có về nhà thăm các con nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn quan tâm nhau. Anh L cho rằng giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên từ tháng 02 năm 2016 chị N đi làm công nhân ở dưới Bắc Ninh từ đó đến nay rất ít khi về nhà, thường xuyên ở lại công ty chỉ thỉnh thoảng mới về thăm con rồi lại đi làm. 02 năm trở lại đây thậm chí chị N còn không về ăn tết cùng bố con anh, anh gọi về chị N bảo là bận phải làm cả tết. Từ khi chị N đi làm cứ đi biệt để lại 02 con nhỏ cho anh chăm sóc, anh có khuyên bảo nhắc nhở chị N về nhà chăm sóc con cái nhưng chị N không nghe. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên anh chưa đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị N, anh L đều xác định có 02 con chung là cháu Vi Kim P – Sinh ngày 21/12/2012 và cháu Vi Văn H – Sinh ngày 14/6/2014. Vợ chồng ly hôn chị N để cho anh L nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh L xác định nếu chị N kiên quyết ly hôn với anh về con chung anh nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị N, anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung chị nhất trí nuôi cả hai con chung và đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị mới mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung (Mỗi con là 1.00.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, anh có chơi bời nhưng không mâu thuẫn gì, sau khi chị N đi làm công ty một năm về có vài lần thăm con, từ đầu năm 2019 đến nay chị N không về lần nào. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp chị N quyết tâm ly hôn anh để cho chị N nuôi cả hai con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng

thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị N: Cho chị Tô Thị N được ly hôn với anh Vi Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Tô Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Vi Kim P – Sinh ngày 21/12/2012 và cháu Vi Văn H – Sinh ngày 14/6/2014. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị N với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung (Mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 8/2019 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Tô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005371 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Anh Vi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Tô Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Vi Văn L. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh L tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang theo quy định của

pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh L đều thừa nhận vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Chị N đề nghị giải quyết ly hôn anh L không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị N kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng anh L. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh L chơi bời là có thật, vợ chồng cũng đã ly thân với nhau từ lâu không ai quan tâm đến ai trong khoảng thời gian dài chứng tỏ đời sống chung giữa anh L và chị N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải để cho hai bên về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị N đối với anh L: Cho chị N được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị N anh L Điều xác định có 02 con chung là cháu Vi Kim P – Sinh ngày 21/12/2012 và cháu Vi Văn H - Sinh ngày 14/6/2014. Vợ chồng ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh L nhất trí để chị N nuôi cả hai con chung và cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N. Do vậy cần giao cháu Vi Kim P - Sinh ngày 21/12/2012 và cháu Vi Văn H - Sinh ngày 14/6/2014 cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị N, anh L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử đặt ra không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tô Thị N pL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị N: Cho chị Tô Thị N được ly hôn với anh Vi Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Tô Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Vi Kim P – Sinh ngày 21/12/2012 và cháu Vi Văn H – Sinh ngày

14/6/2014. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị N với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung (Mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 8/2019 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Tô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005371 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Anh Vi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, huyện LN; Bắc Giang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Văn Thử